

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 147/2025/HNGĐ-ST

Ngày 15-9-2025

V/v tranh chấp “Xác định tài sản chung của vợ chồng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Ph**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Sắc Ly**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kiều Hương

Ông Lê Hữu Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Vũ Tố Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1: Bà Đặng Kiều My – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 576/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Xác định tài sản chung của vợ chồng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Huỳnh Thị Nguyệt H, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Số M, L, phường M, TP. M, Tiền Giang. Nay là số M, L, phường M, tỉnh Đ.

Bị đơn: Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số M, L, phường M, TP. M, Tiền Giang. Nay là số M, L, phường M, tỉnh Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chi Cục Thi hành án dân sự TP. Mỹ Tho. Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp (xin vắng mặt).

- Ông Trần Hữu Ph, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: N khu phố S, phường T, quận 12, TP H. Nay là: N khu phố S, phường Đ, TP H.

Bà Huỳnh Thị Ngọc L, sinh năm 1977 Địa chỉ: N khu phố S, phường T, quận 12, TP H. Nay là: N khu phố S, phường Đ, TP H.

- Đại diện theo ủy quyền của Huỳnh Thị Ngọc L: Ông Trần Hữu Ph, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: N khu phố S, phường T, quận 12, TP H. Nay là: N khu phố S, phường Đ, TP H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Huỳnh Thị Nguyệt H trình bày:

Chị là vợ của anh Nguyễn Hoàng S, theo giấy chứng nhận kết hôn năm 2004, cùng cư trú tại số M, L, phường M, TP. M Ngày 19.03.2021, anh Nguyễn Hoàng S nhận chuyển nhượng của vợ chồng Trần Hữu Ph, Huỳnh Thị Ngọc L, hai thửa đất số 296 và 297 tọa lạc tại xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, với giá 1 tỷ 5 (có làm biên nhận). Ngày 27.09.2023, tại bản án số 152/2023/DS-ST Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xử:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19.03.2021, giữa Nguyễn Hoàng S với vợ chồng Trần Hữu Ph, Huỳnh Thị Ngọc L, là hợp đồng vô hiệu.

Buộc Trần Hữu Ph, Huỳnh Thị Ngọc L liên đới trả cho Nguyễn Hoàng S số tiền 6.243.600.000 đồng và số tiền thu thập chứng cứ: 1.266.000 đồng.

Bản án số 152/2023/DS-ST, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật. Ngày 12.04.2024, tại quyết định số 53/QĐ-CCTHADS, Chi Cục Thi hành án dân sự TP. Bến Tre ủy thác thi hành án cho Chi Cục Thi hành án dân sự TP. Mỹ Tho. Ngày 24.04.2024, tại số 259/QĐCCTHADS, Chi Cục Thi hành án dân sự TP. Mỹ Tho ra quyết định thi hành án theo yêu cầu của anh Nguyễn Hoàng S, theo đó, các khoản phải thi hành án của vợ chồng Trần Hữu Ph, Huỳnh Thị Ngọc L bao gồm : tiền sang nhượng đất và bồi thường thiệt hại : 6.243.600.000 đồng (sáu tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng). tiền thu thập chứng cứ : 1.266.000 đồng (một triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn đồng), tiền lãi số tiền còn phải thi hành.

Số tiền phải thi hành án cho anh Nguyễn Hoàng S nêu trên, là tài sản chung của vợ chồng Nguyễn Hoàng S, Huỳnh Thị Nguyệt H, có được trong thời kỳ hôn nhân, theo quyết định tại khoản 1 điều 33 luật hôn nhân và gia đình.

Nguyên nhân tranh chấp trong quá trình thực hiện thi hành án, anh Nguyễn Hoàng S ủy quyền cho chị về việc yêu cầu thi hành án. Sau đó, anh S chấm dứt sự ủy quyền, để nhận toàn bộ số tiền thi hành án, nhằm mục đích giao số tiền cho người phụ nữ khác đang chung sống như vợ chồng. Anh Nguyễn Hoàng S đến Chi Cục Thi hành án dân sự TP. Mỹ Tho, không yêu cầu giải quyết thi hành án, mà để thỏa thuận thi hành án với người phải thi hành án, với số tiền ít hơn. . Sự việc nêu trên, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị, trong việc định đoạt tài sản chung của vợ chồng.

Nay yêu cầu:

Xác định số tiền được thi hành án, gồm: Tiền sang nhượng đất và bồi thường thiệt hại: 6.243.600.000 đồng (sáu tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng). Tiền thu thập chứng cứ: 1.266.000 đồng (một triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn đồng), là tài sản chung thuộc sở hữu của vợ chồng Nguyễn Hoàng S, Huỳnh Thị Nguyệt H.

Hủy thỏa thuận thi hành án giữa Nguyễn Hoàng S, người được thi hành án với Trần Hữu Ph, Huỳnh Thị Ngọc L,

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 31/7/2025 chị H có đơn rút yêu cầu hủy thỏa thuận thi hành án giữa Nguyễn Hoàng S, người được thi hành án với Trần Hữu Ph, Huỳnh Thị Ngọc L, do đến nay các bên vẫn không có lập văn bản thỏa thuận gì.

Tại biên bản hòa giải ngày 31/7/2025 chị H trình bày: Việc anh S nhận chuyển nhượng của anh Ph và chị L, thửa đất 297, tờ bản đồ số 44, tại Phú Hưng, thành

phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, thì tiền đó là tiền chung của vợ chồng. Cho nên khi Tòa án tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng và bồi thường thiệt hại thì số tiền bản án tuyên là tài sản chung của vợ chồng. Thời điểm ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng thửa đất trên thì chị và anh S cùng có mặt tại Văn phòng công chứng Bùi Trọng Tâm vào ngày 19/3/2021, nhưng tôi để cho anh S đứng ra ký kết hợp đồng.

Bị đơn Nguyễn Hoàng S có bản khai trình bày: Đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định tiền sang nhượng đất và bồi thường thiệt hại: 6.243.600.000 đồng (sáu tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng). Tiền thu thập chứng cứ: 1.266.000 đồng (một triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn đồng), là tài sản chung thuộc sở hữu của vợ chồng Nguyễn Hoàng S, Huỳnh Thị Nguyệt H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Hữu Ph, Trần Thị L có đại diện theo ủy quyền Trần Hữu Ph trình bày: Thời điểm ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng thửa đất số 297, tờ bản đồ số 44, tại Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, thì có mặt chị H và anh S tại Văn phòng công chứng Bùi Trọng Tâm vào ngày 19/3/2021, nên anh xác định việc nhận chuyển nhượng thửa đất của anh là tiền chung của anh chị, do chị H để cho anh S đại diện ký kết hợp đồng. Nếu Tòa án xác định số tiền thì hành theo bản án trên là tài sản chung của vợ chồng chị H và anh S thì anh sẽ chấp nhận thi hành án với vợ chồng chị H. Còn việc thỏa thuận số tiền thì hành án thì đến giai đoạn thi hành án nếu có thể chúng tôi sẽ thỏa thuận với nhau. Hiện nay, giữa anh và chị L đã ly hôn, nên anh sẽ cung cấp quyết định ly hôn cho Tòa án. Hiện nay, anh không còn sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh nên yêu cầu Tòa án gửi tổng đạt về địa chỉ 53C, khu phố 3, tổ 11, Ấp Bắc, phường 10, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang (địa chỉ trước sáp nhập), vì hiện nay anh không có nơi ở cố định, nhưng vẫn thường xuyên về địa chỉ nhà cũ tại 53C, khu phố 3, tổ 11, Ấp Bắc, phường 10, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang, nên thông tin triệu tập của Tòa tại địa chỉ trên tôi sẽ nhận được, xác định địa chỉ trên là nơi cư trú cuối cùng của anh hiện nay. Đến thời điểm hiện tại thì anh và chị L chưa giao cho anh S bất cứ số tiền nào về việc thi hành bản án số 152/2023/DS_ST của Tòa án thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Huỳnh Thị Nguyệt H: Yêu cầu xác định số tiền 6.243.600.000 đồng và Tiền thu thập chứng cứ: 1.266.000 đồng, mà anh Trần Hữu Ph và chị Huỳnh Thị Ngọc L có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Hoàng S là tài sản chung của vợ chồng Huỳnh Thị Nguyệt H và Nguyễn Hoàng S. Đình chỉ đối với yêu cầu tuyên hủy văn bản thỏa thuận thi hành án.

Bị đơn Nguyễn Hoàng S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Hữu Ph, Trần Thị Ngọc L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định. Riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành sự triệu tập của Tòa án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị Nguyệt H, xác định số tiền 6.243.600.000 đồng và tiền thu thập chứng cứ 1.266.000 đồng, mà anh Trần Hữu Ph và chị Huỳnh Thị Ngọc L có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Hoàng S là tài sản chung của vợ chồng Huỳnh Thị Nguyệt H và Nguyễn Hoàng S. Đình chỉ đối với yêu cầu tuyên hủy văn bản thỏa thuận

thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày của đương sự, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Huỳnh Thị Nguyệt H khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định số tiền mà Trần Hữu Ph và Huỳnh Thị Ngọc L có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Hoàng S theo bản án sơ thẩm đã có hiệu lực, là tài sản chung của vợ chồng. Bị đơn có nơi cư trú tại phường Mỹ Tho, Đồng Tháp. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *“Xác định tài sản chung vợ chồng”*, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp.

[1.2] Sự có mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn Nguyễn Hoàng S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Hữu Ph, Huỳnh Thị Ngọc L nhưng đương sự vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[1.3] Nguyên đơn Huỳnh Thị Nguyệt H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết hủy thỏa thuận thi hành án. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị H là tự nguyện và phù hợp với qui định pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về yêu cầu của đương sự và nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác định số tiền mà anh Trần Hữu Ph và chị Huỳnh Thị Ngọc L có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Hoàng S theo bản án sơ thẩm số 152/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 do Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử sơ thẩm, là tài sản chung của vợ chồng chị H và anh S, để có thể liên hệ cơ quan thi hành án dân sự yêu cầu và được thi hành án số tiền trên, cùng anh S.

[2.1] Căn cứ vào các chứng cứ gồm: Bản án sơ thẩm số 152/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 do Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử đã có hiệu lực pháp luật (bút lục 65), với nội dung quyết định buộc ông Trần Hữu Ph và bà Huỳnh Thị Ngọc L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hoàng S số tiền 6.243.600.000 đồng (sáu tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng) là tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tiền bồi thường thiệt hại. Và tiền thu thập chứng cứ: 1.266.000 đồng (một triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn đồng); Căn cứ văn bản số 57/CCTHADS ngày 08/11/2024 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho (bút lục 53), xác định do phía ông Ph và bà L không tự nguyện thi hành án nên hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho đang tiếp tục tổ chức thi hành án là tài sản của ông Ph và bà L. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị H thì Chi cục thi hành án dân sự không có ý kiến; Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 05/4, quyền số 01/2004 do Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Mỹ Tho cấp ngày 12/02/2004 chứng nhận hôn nhân của chị Huỳnh Thị Nguyệt H và anh Nguyễn Hoàng S là hôn nhân hợp pháp (bút lục 69).

[2.2] Căn cứ vào các chứng cứ do Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre cung cấp (bút lục 36-44), bao gồm: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Biên Nhận tiền ngày 19/3/2021; Đơn khởi kiện và bản tự khai của ông Nguyễn Hoàng S... thể hiện: Việc xét xử bản án số 152/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 là xuất phát từ quan hệ chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 19/3/2021 công chứng tại Văn phòng công chứng Bùi Trọng Tâm (bút lục 42), đối với thửa đất 297, tờ bản đồ số 44, diện tích 402m², địa chỉ xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh

Bến Tre, giữa bên nhận chuyển nhượng là Nguyễn Hoàng S, với bên chuyển nhượng là Trần Hữu Ph (ông Ph được bà L ủy quyền ký chuyển nhượng). Ngoài ông Ph và bà L thì không có cá nhân hay tổ chức nào khác có nghĩa vụ thi hành bản án số 152/2023/DS-ST của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

[2.3] Anh Nguyễn Hoàng S, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản khai ngày 09/4/2025 (bút lục 49), đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Nguyệt H, xác định là số tiền 6.243.600.000 đồng (sáu tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng). Tiền thu thập chứng cứ: 1.266.000 đồng, là tài sản chung của vợ chồng. Do anh S đã thừa nhận đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên xem xét đây là tình tiết sự việc không phải chứng minh. Đối với ông Trần Hữu Ph là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và là đại diện theo ủy quyền của Huỳnh Thị Ngọc L có lời khai: Xác định số tiền nhận chuyển nhượng thửa đất số 297 là tài sản chung của vợ chồng anh S và chị H, đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo bản án sơ thẩm của Tòa án thành phố Bến Tre cho vợ chồng anh S và chị H.

[3] Căn cứ vào các chứng cứ trên, thấy rằng, giữa chị Huỳnh Thị Nguyệt H và anh Nguyễn Hoàng S là vợ chồng hợp pháp từ năm 2004. Vào ngày 27/9/2023 thì anh Nguyễn Hoàng S được Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre tỉnh Bến Tre xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện trong vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, với bị đơn Trần Hữu Ph và Huỳnh Thị Ngọc L. Căn cứ theo văn bản trả lời của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho và lời trình bày của chị H, anh S, anh Ph thì anh Ph và chị L chưa tự nguyện thi hành khoản tiền nào đối với số tiền phải thi hành án cho anh S. Hội đồng xét xử xét thấy, do việc nhận chuyển nhượng thửa đất 297 và việc Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre tỉnh Bến Tre xét xử tuyên án, vào thời điểm hôn nhân giữa chị H và anh S tồn tại, nếu không có thỏa thuận khác thì đương nhiên số tiền mà anh S thắng kiện là 6.243.600.000 đồng (sáu tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng). Tiền thu thập chứng cứ: 1.266.000 đồng, là tài sản chung của vợ chồng Nguyễn Hoàng S và Huỳnh Thị Nguyệt H trong thời kỳ hôn nhân. Từ những nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Nguyệt H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 271, 273, Điều 217, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 33, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Huỳnh Thị Nguyệt H về việc khởi kiện hủy thỏa thuận thi hành án giữa Nguyễn Hoàng S, Trần Hữu Ph, Huỳnh Thị Ngọc L.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Nguyệt H.

Xác định số tiền 6.243.600.000 đồng (sáu tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng) gồm có tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất 1.500.000.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại là 4.743.600.000 đồng. Tiền thu thập chứng cứ: 1.266.000 đồng (một triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn đồng), mà anh Trần Hữu Ph và chị Huỳnh Thị Ngọc L có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Hoàng S theo bản án sơ thẩm số 152/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 do Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử, là tài sản chung của vợ chồng Huỳnh Thị Nguyệt H và Nguyễn Hoàng S.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà chậm thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Huỳnh Thị Nguyệt H số tiền 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0006885 ngày 17/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Nguyệt H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hoàng S, anh Trần Hữu Ph, chị Huỳnh Thị Ngọc L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 1 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.07

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Sắc Ly

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND phường 2;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.07

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Sắc Ly